

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2026

V/v vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lư Khánh Thành.

2. Bà Phan Thị Hồng Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Nguyễn Kiều Bân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 651/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc: “Ly hôn - mâu thuẫn gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1983 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Xóm 6, xã TR, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: 19 đường số N, Phường HB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1956 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: 262/13 LHP, Phường CQ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Đặng Thị Thanh T trình bày:

Bà Đặng Thị Thanh T và Ông Bùi Văn C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4 Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyền số 01/2012 ngày 17/6/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà trọ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc được 12 năm. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do từ năm 2025 ông C thất nghiệp còn bà T đi làm trang trải cho gia đình, ngược lại ông C luôn cho rằng bà T không quan tâm, chăm sóc cho ông C nữa. Đồng thời, mọi việc trong nhà thì ông C bàn bạc với con riêng của ông C, mà không trao đổi với bà T nên bà T nhận thấy ông C thiếu tôn trọng bà. Do đó, từ tháng 10/2025 ông C đã tự dọn về sống cùng con riêng của ông tại 262/13 LHP, Phường CQ, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà T nhận thấy do thời gian ly thân đã lâu và tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T xác nhận không có con chung với ông C;

Về tài sản chung: Bà T xác nhận không có tài sản chung với ông C;

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có nợ chung với ông C.

Bị đơn Ông Bùi Văn C vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ, ông C chỉ ghi là không có ý kiến, ông đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Bùi Văn C và Bà Đặng Thị Thanh T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm và hai bên đã sống ly thân. Nay bà T có yêu cầu ly hôn, ông C cũng có ý kiến là đồng ý ly hôn, do đó xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là hợp tình, hợp lý.

Về con chung: Bà T xác nhận không có, ông C không có ý kiến nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T xác nhận không có, ông C không có ý kiến nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, ông C không có ý kiến nên không xem xét.

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3,

Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh Thúy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Đặng Thị Thanh Tyêu cầu ly hôn với Ông Bùi Văn C. Do đó, đây là “vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Ông Bùi Văn C cư trú tại địa chỉ 262/13 LHP, Phường CQ, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bà Đặng Thị Thanh Tvà Ông Bùi Văn C tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 5 (Nay là Phường Chợ Quán), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2012, do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa Bà Đặng Thị Thanh Tvà Ông Bùi Văn C là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ tháng 10 năm 2025, bà T và ông C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên không hòa thuận với nhau, ông C tự ý bỏ về sống với người con riêng của ông C và không còn thương thảo với bà T, nên bà T tự nhận thấy khó có thể hàn gắn và khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông C và ông C cũng đồng ý, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở.

[4.2]. Về con chung: Bà T xác nhận không có con chung; ông C không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, ông C không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thanh Tvà Ông Bùi Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 19, Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Đặng Thị Thanh Tđược ly hôn với Ông Bùi Văn C.

- Về con chung: Bà Đặng Thị Thanh Txác nhận không có, Ông Bùi Văn C không có ý kiến, nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị Thanh Txác nhận không có, Ông Bùi Văn C không có ý kiến, nên Tòa án không xem xét.

2. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Bùi Văn C phải chịu án phí là 75.000đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Đặng Thị Thanh Tphải chịu án phí là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Bà Đặng Thị Thanh Tđã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0029356 ngày 12/5/2026 của Thi hành án Dân sự - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị Thanh Tđược nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 225.000đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/2012, do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 5 (Nay là Phường Chợ Quán), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2012 hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3;
- UBND Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nam